

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Định hướng ứng dụng

Tên ngành: Chăn nuôi

Mã số: 8620105

(Ban hành kèm theo quyết định số 889/QĐ-ĐHCT, ngày 31 tháng 3 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

1	Tên ngành đào tạo	Chăn nuôi <i>Animal science</i>
2	Mã ngành	8620105
3	Đơn vị quản lý	Bộ môn Chăn nuôi, Khoa Nông nghiệp
4	Chuẩn đầu vào	
4.1	Ngành phù hợp không học bổ sung kiến thức	Chăn nuôi
4.2	Ngành phù hợp học bổ sung kiến thức	- Thú y, - Nông học, - Sư phạm sinh học, - Công nghệ sinh học, - Sinh học ứng dụng.
4.3	Yêu cầu chung	Tốt nghiệp Đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp. Có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (thuộc 6 ngôn ngữ quy định của thông tư 23/2021/TT-BGDĐT)
5	Mục tiêu	- <i>Mục tiêu chung</i> : Mục tiêu chung nhằm đào tạo học viên có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trình độ năng lực đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực và phát triển kinh tế đất nước; có kiến thức và kỹ năng về chăn nuôi. - <i>Mục tiêu cụ thể</i> a. Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về khoa học chăn nuôi và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để có thể độc lập trong nghiên cứu. b. Phát triển các quan điểm, luận thuyết khoa học, bước đầu có thể hình thành ý tưởng khoa học. c. Phát hiện, khám phá và thử nghiệm kiến thức mới. d. Trang bị cho người học khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách chăn nuôi hoặc các vị trí khác thuộc lĩnh vực chăn nuôi và các lĩnh vực có liên quan....
6	Chuẩn đầu ra	
6.1	Kiến thức	a. Ứng dụng được các kiến thức chuyên ngành và nâng cao về chăn nuôi để giải quyết các vấn đề trong thực tế sản xuất về thức ăn gia súc, kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng, quản trị và quản lý trong sản xuất chăn nuôi. b. Nắm vững và vận dụng linh hoạt các nguyên lý, các kiến thức cơ sở và chuyên ngành trong nâng cao giá trị dinh dưỡng thức ăn và con giống để cải thiện năng suất các giống vật nuôi c. Vận dụng sáng tạo các kiến thức chuyên ngành về chọn giống, thức ăn, kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng, quy trình phòng - trị bệnh

		ở vật nuôi, thú cảnh và quản lý trong sản xuất chăn nuôi đáp ứng các tiêu chuẩn về chăn nuôi sạch, chăn nuôi hữu cơ như VietGAP, GlobalGAP,....
6.2	Kỹ năng	a. Phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề trong thực tiễn sản xuất chăn nuôi. Phát huy khả năng quản lý các trang trại chăn nuôi, các đơn vị sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực chăn nuôi thú y. b. Nâng cao khả năng tư duy và lập luận, tự học, làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong lĩnh vực về chăn nuôi - thú y và các lĩnh vực có liên quan đồng. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, truyền đạt kiến thức trong thực tế sản xuất, trao đổi kinh nghiệm.
6.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	a. Chủ động, sáng tạo và có ý thức trách nhiệm công dân; có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; tuân thủ kỷ luật và thể hiện tác phong công nghiệp.
6.4	Ngoại ngữ trước khi tốt nghiệp	<i>Học viên tự học đạt chứng chỉ B2 (bậc 4/6) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương</i> <i>Yêu cầu ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra đối với mỗi người học phải cùng một ngôn ngữ.</i>
7	Cấu trúc chương trình đào tạo	- Kiến thức chung: 3 tín chỉ (Triết học) - Kiến thức khối ngành: 14 tín chỉ (8 bắt buộc; 6 tự chọn) - Kiến thức chuyên ngành: 28 tín chỉ (16 bắt buộc; 12 tự chọn) - Học phần thực tập và tốt nghiệp: 15 tín chỉ (15 bắt buộc)
8	Đã tham khảo CTĐT của trường	• Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam (https://channuoi.vnua.edu.vn/vi/dt/dao-tao-sdh) • Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Chăn nuôi, Đại học Nông Lâm TP.HCM (http://pgo.hcmuaf.edu.vn/pgo-3955-2/vn/chuyen-nganh-chan-nuoi.html) • Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Chăn nuôi, Đại học Nông nghiệp Thụy Điển (https://student.slu.se/en/studies/courses-and-programmes/masters-programmes/animal-science/) • Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Chăn nuôi, Đại học Chiang Mai, Thái Lan. (https://www.cmu.ac.th/en/Faculty/course_detail/b4aa8a70-74cb-4a7f-953c-c2daee5f0c1d)
9	Học phần bổ sung kiến thức cho các ngành yêu cầu ở mục 4.2	- Số học phần: 01 ; tổng tín chỉ: 3 TC - Tên các học phần (<i>tên, mã số HP, số tín chỉ</i>) 1. Dinh dưỡng gia súc (NS547), 3 tín chỉ
10	Tuyển sinh	Theo đề án tuyển sinh của Trường Đại học Cần Thơ hàng năm, với 3 hình thức có thể áp dụng: Xét tuyển; Xét tuyển kết hợp thi tuyển; Thi tuyển.
10.1	Môn thi tuyển sinh (nếu chọn hình thức thi tuyển)	1. Sinh lý động vật 2. Miễn dịch học 3. Ngoại ngữ
10.2	Điều kiện xét tuyển	- Đảm bảo yêu cầu chuẩn đầu vào. - Theo quy định chung của Trường Đại học Cần Thơ

Chương trình đào tạo chi tiết (*)**Tổng số tín chỉ: 60 TC****Thời gian đào tạo:**

- **Hệ chính quy:** 24 tháng; thời gian đào tạo tối đa: 48 tháng
- **Hệ vừa học vừa làm:** 29 tháng; thời gian đào tạo tối đa: 58 tháng

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
Phần kiến thức chung									
1	ML605	Triết học	3	x		45			I, II
<i>Cộng: 3 TC (Bắt buộc: 3 TC; Tự chọn: 0 TC)</i>									
Phần kiến thức khối ngành									
2	NNN648	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Chăn nuôi & Thú y	2	x		30			I, II
3	NNN603	Giống vật nuôi	2	x		30			
4	NNN621	Thâm cứu sinh lý vật nuôi	2	x		30			I, II
5	NNN622	Thâm cứu dinh dưỡng vật nuôi	2	x		20	20		I, II
6	NNN604	Dinh dưỡng heo	2		x	30			I, II
7	NNN605	Dinh dưỡng gia cầm	2		x	30			I, II
8	NNN606	Dinh dưỡng gia súc nhai lại	2		x	30			I, II
9	NNN607	Hóa sinh động vật	2		x	30			I, II
10	NNY607	Vệ sinh và an toàn thực phẩm động vật	2		x	30			I, II
11	NNN625	Di truyền động vật	2		x	30			I, II
12	NNN624	Sinh lý sinh sản vật nuôi	2		x	30			I, II
13	NNN608	Sinh lý dinh dưỡng vật nuôi	2		x	30			I, II
<i>Cộng: 14 TC (Bắt buộc: 8 TC; TC: 06 TC)</i>									
Phần kiến thức chuyên ngành									
14	NNN610	Anh văn chuyên ngành chăn nuôi	2	x		30			I, II
15	NNN612	Công nghệ thức ăn vật nuôi	2	x		20	20		I, II
16	NNN650	Ứng dụng công nghệ thông tin trong chăn nuôi	3	x		45			I, II
17	NNN616	Công nghệ chăn nuôi heo	3	x		30	30		I, II
18	NNN617	Công nghệ chăn nuôi gia súc nhai lại	3	x		30	30		I, II
19	NNN618	Công nghệ chăn nuôi gia cầm	3	x		30	30		I, II
20	NNN602	Công nghệ gen vật nuôi	2		x	30			I, II
21	NNN611	Thực hành quy chuẩn chăn nuôi	2		x	20	20		I, II
22	NNN613	Quản lý trang trại chăn nuôi	2		x	30			I, II
23	NNN623	Ứng dụng công nghệ sinh học trong chăn nuôi	2		x	20	20		I, II
24	NNN619	Bảo tồn và phát triển động vật quý hiếm	2		x	30			I, II
25	NNN620	Tập tính vật nuôi	2		x	30			I, II
26	NNN626	Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi	2		x	20	20		I, II
27	NNN649	Quản lý chuỗi sản xuất dịch vụ chăn nuôi - thú y	2		x	20	20		I, II
28	NNN628	Công nghệ chăn nuôi thỏ	2		x	30			I, II
29	NNN629	Chăn nuôi thú cảnh	2		x	30			I, II
30	NN745	Bệnh truyền nhiễm	2		x	15	30		I, II
31	NNN635	Quản lý dịch bệnh	2		x	30			I, II

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
32	NNY614	Dược lý	2		x	15	30		I, II
33	NNN631	Quản lý môi trường chăn nuôi	2		x	20	20		I, II
Cộng: 28 TC (Bắt buộc: 16 TC; Tự chọn: 12 TC)									
Phần học phần thực tập và tốt nghiệp									
34	NNN001	Đề án tốt nghiệp	9	x			270		I, II
35	NNN002	Thực tập tốt nghiệp	6	x			270		I, II
Cộng: 15 TC (Bắt buộc: 15 TC; Tự chọn: 0 TC)									
		Tổng cộng	60	42	18				

Cần Thơ, ngày 31 tháng 3 năm 2022

**BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KH&ĐT
CHỦ TỊCH**

TRƯỞNG KHOA



Hà Thanh Toàn

Trần Trung Tính

Lê Văn Vàng